



NGUYỄN TẤT THẮNG (Tổng Chủ biên) - TRẦN THỊ LAN HƯƠNG (Chủ biên)
HOÀNG XUÂN ANH - NGUYỄN THỊ THANH HUỆ - BÙI THỊ HẢI YẾN

Công nghệ

6

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TẤT THẮNG (Tổng Chủ biên) – TRẦN THỊ LAN HƯƠNG (Chủ biên)
HOÀNG XUÂN ANH – NGUYỄN THỊ THANH HUỆ – BÙI THỊ HẢI YẾN

Công nghệ

SÁCH GIÁO VIÊN

6

Cánh Diều



**NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH**



LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên Công nghệ 6 được biên soạn giúp giáo viên thực hiện việc tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. Sách được biên soạn theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Công nghệ năm 2018 và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường. Nội dung sách gồm hai phần:

- **Phần 1. Những vấn đề chung**

Phần này gồm những vấn đề chung về mục tiêu, cấu trúc, nội dung chương trình, phân bố thời lượng dạy học, các phương pháp tổ chức hoạt động học tập tích cực, phương tiện dạy học và định hướng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho học sinh trong dạy học Công nghệ 6. Trong đó, ngoài việc phát triển các năng lực và phẩm chất chung, định hướng quan trọng là giáo dục cho học sinh hình thành và phát triển năng lực công nghệ: Nhận thức công nghệ, Giao tiếp công nghệ, Sử dụng công nghệ, Đánh giá công nghệ, Thiết kế kĩ thuật; đồng thời giúp học sinh học tập, làm việc hiệu quả trong môi trường công nghệ ở gia đình, nhà trường và xã hội; góp phần định hướng nghề nghiệp và chuẩn bị cho học sinh tri thức nền tảng để tiếp tục học lên, học nghề thuộc lĩnh vực công nghệ hoặc tham gia lao động.

- **Phần 2. Hướng dẫn kế hoạch dạy học**

Phần này gồm những bài hướng dẫn, gợi ý cho giáo viên về kế hoạch tổ chức cho học sinh học tập các bài học trong môn Công nghệ 6. Chúng tôi bám sát hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sách giáo khoa Công nghệ 6 để thiết kế các bài soạn hướng dẫn giáo viên tổ chức học sinh học tập theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Mục tiêu bài học gồm mục tiêu kiến thức, năng lực, phẩm chất; các hoạt động hướng dẫn học sinh học tập gồm: mở đầu/khởi động, hình thành kiến thức/kĩ năng mới, luyện tập, vận dụng và mở rộng. Trong mỗi hoạt động, tùy yêu cầu và đặc điểm nội dung, các tác giả đã nêu ra những gợi ý về nội dung: mục tiêu, nội dung, sản phẩm, tổ chức thực hiện hoạt động. Trình tự nội dung bài soạn được thiết kế theo logic nội dung các bài học trong Sách giáo khoa Công nghệ 6 để giáo viên thuận lợi trong việc nghiên cứu và bố trí việc tổ chức dạy học: Nhà ở, Bảo quản và chế biến thực phẩm, Trang phục và thời trang và Đồ dùng điện trong gia đình. Giáo viên dựa vào gợi ý trong Sách giáo viên để xây dựng bài học cho phù hợp với đặc điểm, trình độ của học sinh ở các trường, lớp và địa phương.

Chúng tôi hi vọng rằng, các thầy, cô giáo sẽ tìm thấy ở cuốn sách này những gợi ý hữu ích cho việc tổ chức hoạt động học tập của học sinh để hiện thực hoá việc thực hiện chương trình và sách giáo khoa môn Công nghệ 6. Mọi ý kiến góp ý của quý thầy cô giáo, các nhà sư phạm để hoàn thiện sách giáo viên, giúp cụ thể hoá việc dạy học môn Công nghệ 6 ở các trường trung học phổ thông đều được các tác giả rất trân trọng và ghi nhận.

Xin kính chúc quý thầy, cô giáo sức khỏe, hạnh phúc, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học mới!

CÁC TÁC GIẢ



Mục lục

	Trang
Lời nói đầu	3
Phần I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	5
Phần II. HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH DẠY HỌC	15
Chủ đề 1. NHÀ Ở	
Bài 1. Nhà ở đối với con người	15
Bài 2. Xây dựng nhà ở	22
Bài 3. Ngôi nhà thông minh	29
Bài 4. Sử dụng năng lượng trong gia đình	36
Ôn tập chủ đề 1. Nhà ở.....	44
Chủ đề 2. BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM	
Bài 5. Thực phẩm và giá trị dinh dưỡng	47
Bài 6. Bảo quản thực phẩm	58
Bài 7. Chế biến thực phẩm	64
Ôn tập chủ đề 2. Bảo quản và chế biến thực phẩm	74
Chủ đề 3. TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG	
Bài 8. Các loại vải thường dùng trong may mặc	78
Bài 9. Trang phục và thời trang	83
Bài 10. Lựa chọn và sử dụng trang phục	89
Bài 11. Bảo quản trang phục	96
Ôn tập chủ đề 3. Trang phục và thời trang	101
Chủ đề 4. ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH	
Bài 12. Đèn điện	105
Bài 13. Nồi cơm điện và bếp hồng ngoại	115
Bài 14. Quạt điện và máy giặt	121
Bài 15. Máy điều hoà không khí một chiều	128
Ôn tập chủ đề 4. Đồ dùng điện trong gia đình	133



PHẦN I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. MỤC TIÊU MÔN CÔNG NGHỆ 6 VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

1. Mục tiêu

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Công nghệ năm 2018, mục tiêu đạt được khi kết thúc bậc trung học cơ sở là: học sinh (HS) đọc được thông số kỹ thuật, nhận biết và sử dụng đúng cách một số sản phẩm công nghệ trong gia đình; trao đổi được thông tin về sản phẩm, quy trình công nghệ thông qua lập và đọc bản vẽ kỹ thuật đơn giản; đánh giá và thiết kế được sản phẩm công nghệ đơn giản; có hiểu biết về những nguyên lý cơ bản, những kỹ năng ban đầu trong các lĩnh vực nông – lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp; có tri thức và trải nghiệm về lựa chọn nghề trong lĩnh vực công nghệ, góp phần lựa chọn hướng đi phù hợp sau trung học cơ sở; phát huy hứng thú học tập; rèn luyện được tính cẩn thận, kiên trì trong các hoạt động kỹ thuật, công nghệ. Môn Công nghệ 6 trang bị cho HS những tri thức về công nghệ trong phạm vi gia đình.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

Môn Công nghệ góp phần hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu đã được quy định tại Chương trình tổng thể, đó là: chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm theo các mức độ phù hợp của môn học. Cụ thể ở môn Công nghệ 6:

- Có thói quen giữ gìn vệ sinh nhà ở, lớp học sạch đẹp.
- Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống riêng tư, phong cách thời trang cá nhân (nhà ở, trang phục,...), thói quen ăn uống của người khác.
- Không đồng tình với những hành vi sử dụng trang phục không phù hợp với nếp sống văn hoá và quy định ở nơi công cộng.
- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết về các nội dung trong các chủ đề Nhà ở, Bảo quản và chế biến thực phẩm, Trang phục và thời trang, Đồ dùng điện trong gia đình.
- Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng vào học tập và đời sống hằng ngày.

- Tham gia lao động ở gia đình phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân.
- Có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình.

Môn Công nghệ nói chung, môn Công nghệ 6 nói riêng có 3 năng lực chung và 5 năng lực đặc thù giúp HS học tập, làm việc hiệu quả trong môi trường công nghệ ở gia đình, nhà trường và xã hội. Việc hình thành và phát triển các năng lực đặc thù cũng góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể, đồng thời bước đầu định hướng nghề nghiệp và chuẩn bị cho HS các tri thức nền tảng để tiếp tục học lên, học nghề thuộc lĩnh vực công nghệ hoặc tham gia lao động.

Chương trình môn Công nghệ quy định yêu cầu cần đạt về các năng lực này đối với HS lớp 6 như sau:

a) Năng lực chung

- Tự chủ và tự học
 - Tự tin và sử dụng hiệu quả các sản phẩm công nghệ trong gia đình, cộng đồng; trong học tập, công việc. HS có thể thực hành, làm dự án, thiết kế và chế tạo các sản phẩm công nghệ; sử dụng và đánh giá các sản phẩm công nghệ; bảo đảm an toàn trong thế giới công nghệ ở gia đình, cộng đồng và trong học tập, lao động.
 - Tự lực, chủ động nắm bắt kiến thức thông qua nguồn học liệu hỗ trợ tự học (đặc biệt là học liệu số) và sự hướng dẫn của giáo viên (GV).

• Năng lực giao tiếp và hợp tác

Năng lực này được thể hiện qua giao tiếp công nghệ – một thành phần cốt lõi của năng lực công nghệ. HS có thể trao đổi, trình bày, chia sẻ ý tưởng,... khi thực hiện các dự án học tập và sử dụng, đánh giá các sản phẩm công nghệ.

• Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Tìm tòi, sáng tạo sản phẩm mới; giải quyết các vấn đề về kỹ thuật, công nghệ trong thực tiễn thông qua các mạch nội dung, thực hành, trải nghiệm từ đơn giản đến phức tạp.

b) Năng lực đặc thù

- Nhận thức công nghệ
 - Mô tả được một số sản phẩm công nghệ và tác động của nó đến đời sống gia đình.
 - Bước đầu nhận thức được một số nội dung cơ bản về nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực công nghệ.
- Giao tiếp công nghệ: Biểu diễn được vật thể hay ý tưởng thiết kế bằng hình biểu diễn cơ bản.

- Sử dụng công nghệ
 - Đọc được tài liệu hướng dẫn sử dụng các thiết bị, sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình.
 - Sử dụng đúng cách, hiệu quả một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- Đánh giá công nghệ
 - Đưa ra được nhận xét cho một sản phẩm công nghệ phù hợp về chức năng, độ bền, thẩm mỹ, hiệu quả, an toàn.
 - Lựa chọn được sản phẩm công nghệ phù hợp trên cơ sở các tiêu chí đánh giá.
- Thiết kế kĩ thuật: Phát hiện được nhu cầu, vấn đề cần giải quyết trong bối cảnh cụ thể.

II. NỘI DUNG MÔN CÔNG NGHỆ 6 VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỤ THỂ

Nội dung môn Công nghệ 6 tập trung vào lĩnh vực chính là giáo dục công nghệ trong gia đình, với 4 chủ đề và các yêu cầu cần đạt cụ thể như sau:

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Nhà ở	– Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. – Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. – Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. – Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.
Bảo quản và chế biến thực phẩm	– Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khỏe con người. – Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. – Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến. – Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt. – Hình thành thói quen ăn, uống khoa học; chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. – Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình.
Trang phục và thời trang	– Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống; các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục. – Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân. – Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. – Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.
Đồ dùng điện trong gia đình	– Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,...). – Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn. – Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình.

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN CÔNG NGHỆ 6

Để tổ chức được các hoạt động học tập tích cực cho HS học tập các chủ đề, bài học môn Công nghệ 6 phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, năng lực của HS, điều kiện gia đình, điều kiện của nhà trường và địa phương; nhằm nâng cao hứng thú học tập, hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất cho HS, GV cần lưu ý bám sát các yêu cầu sau:

- Vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học phát huy tính chủ động, sáng tạo, tích cực và phù hợp với sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất cho HS; coi trọng việc học tập dựa trên hành động, trải nghiệm, thực hành, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn ở gia đình, nhà trường, địa phương,...
- Khai thác có hiệu quả hệ thống các thiết bị dạy học tối thiểu được trang bị cho tổ bộ môn, nhà trường theo nguyên lí thiết bị, phương tiện dạy học là nguồn tri thức về đối tượng công nghệ. Coi trọng các nguồn tư liệu ngoài sách giáo khoa (SGK); khai thác lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Công nghệ 6 trên các phương diện lưu trữ tri thức, đa phương tiện, mô phỏng, kết nối môi trường học tập.
- Tuỳ theo mục tiêu bài học Công nghệ 6, tính chất của hoạt động, GV tổ chức cho HS làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HS được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế, đồng thời phải phù hợp với điều kiện tổ chức lớp học, cơ sở vật chất của nhà trường, tận dụng các sản phẩm công nghệ khác gần gũi, phù hợp với HS ở địa phương.
- Vận dụng sáng tạo quan điểm giáo dục tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn công nghệ, tiết kiệm năng lượng; giáo dục tích hợp liên môn giữa Khoa học, Công nghệ, Kĩ thuật, Toán học để thúc đẩy giáo dục STEM, góp phần hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất gắn với giáo dục hướng nghiệp cho HS.

Năng lực công nghệ được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động dạy và học. Đối với mỗi hoạt động dạy học cụ thể trong kế hoạch các bài dạy Công nghệ 6, GV đều phải xác định rõ mục tiêu phát triển năng lực trên cơ sở phân tích đặc điểm nội dung dạy học và tham chiếu khung năng lực chung, năng lực công nghệ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020, tiến trình dạy học gồm các hoạt động sau:

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)

- a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp HS xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.
- b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà HS phải thực hiện (xử lý tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành,...) để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.
- c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà HS phải hoàn thành: kết quả xử lý tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.
- d) Tổ chức thực hiện: Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho HS từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)

- a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.
- b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của HS khi làm việc với SGK, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.
- c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà HS cần viết ra, trình bày được.
- d) Tổ chức thực hiện: Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của HS.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kỹ năng vận dụng kiến thức cho HS.
- b) Nội dung: Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho HS thực hiện.

- c) Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do HS thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.
- d) Tổ chức thực hiện: Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho HS; hướng dẫn, hỗ trợ HS thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của HS thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).
- b) Nội dung: Mô tả rõ yêu cầu HS phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.
- c) Sản phẩm: Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.
- d) Tổ chức thực hiện: Giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của GV.

Ghi chú:

1. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để HS thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kỹ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho HS thực hiện ở ngoài lớp học.
2. Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của GV, HS mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của GV: GV giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; HS thực hiện/đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành.
3. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học và được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi – đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số phải thông báo trước cho HS về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho HS tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của HS theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy.

4. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học:

- Giao nhiệm vụ học tập: Trình bày cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho HS (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả HS đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.
- Thực hiện nhiệm vụ (HS thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ HS phải thực hiện (đọc/nghe/nhìn/làm) theo yêu cầu của GV; dự kiến những khó khăn mà HS có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.
- Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sư phạm trong việc lựa chọn các nhóm HS báo cáo và cách thức tổ chức cho HS báo cáo (có thể chỉ chọn một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sư phạm của GV).
- Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HS trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kỹ năng để HS ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà HS phải thực hiện tiếp theo.

IV. THIẾT BỊ DẠY HỌC CÔNG NGHỆ 6

Để hình thành và phát triển năng lực công nghệ cho HS, trong dạy học Công nghệ 6, GV cần tăng cường tổ chức các hoạt động luyện tập, thực hành và hoạt động trải nghiệm. Cơ sở giáo dục phổ thông cần có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

- a) Các tranh gồm có:
 - Chủ đề Nhà ở: vai trò và đặc điểm chung của nhà ở, kiến trúc nhà ở Việt Nam, xây dựng nhà ở, ngôi nhà thông minh.
 - Chủ đề Bảo quản và chế biến thực phẩm: thực phẩm trong gia đình, phương pháp bảo quản thực phẩm, phương pháp chế biến thực phẩm.
 - Chủ đề Trang phục và thời trang: trang phục và đời sống, thời trang trong cuộc sống, lựa chọn và sử dụng trang phục.
 - Chủ đề Đồ dùng điện trong gia đình: nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện.
- b) Các video gồm có: ngôi nhà thông minh, vệ sinh an toàn thực phẩm trong gia đình, trang phục và thời trang, an toàn điện trong gia đình, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

c) Thiết bị thực hành gồm có:

- Chủ đề Bảo quản và chế biến thực phẩm: bộ dụng cụ chế biến món ăn không sử dụng nhiệt, bộ dụng cụ tĩa hoa, trang trí món ăn.
- Chủ đề Trang phục và thời trang: hộp mẫu các loại vải.
- Chủ đề Đồ dùng điện trong gia đình: nồi cơm điện, bếp điện, các loại bóng đèn điện, quạt điện.

Ngoài ra còn có các thiết bị dùng chung cho phòng thực hành bộ môn như: máy tính để bàn và các bộ dụng cụ, vật liệu, thiết bị phục vụ thực hành cơ khí, điện các lớp ở bậc trung học cơ sở.

Các nội dung của lĩnh vực công nghệ trong gia đình rất gần gũi với HS, do vậy, tùy mục tiêu bài học, GV có thể tổ chức các hoạt động trải nghiệm, thực hành, vận dụng để HS khai thác, củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành năng lực thông qua các hoạt động thực tế tại gia đình, nhà trường, địa phương. Đồng thời, GV chủ động khai thác thế mạnh là các phương tiện trực quan về nhà ở, bảo quản, chế biến thực phẩm, trang phục và thời trang, đồ dùng điện trong gia đình trên mạng Internet, sách báo, tài liệu,... để tổ chức cho HS học tập tích cực, góp phần hình thành năng lực và phẩm chất cho HS trong dạy học Công nghệ 6. Trong quá trình xây dựng kế hoạch bài dạy Công nghệ 6, GV cần nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy.

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ DẠY HỌC

Mục đích đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học tập, qua đó điều chỉnh hoạt động dạy và học. Theo thiết kế, Chương trình môn Công nghệ 6 có 31 tiết cho các bài học và 4 tiết cho kiểm tra, đánh giá.

Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi – đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số, GV phải thông báo trước cho HS về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho HS tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của HS theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy.

Đánh giá quá trình phải được tiến hành thường xuyên, liên tục và tích hợp vào trong các hoạt động dạy học, đảm bảo mục tiêu đánh giá vì sự tiến bộ của HS; GV nên khuyến khích tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Đối với bài kiểm tra, đánh giá định kì: GV cần thảo luận với tổ chuyên môn để thống nhất xây dựng ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì phù hợp với yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ 6. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì gồm có ngân hàng câu hỏi tự luận và trắc nghiệm khách quan. Các câu hỏi tự luận và câu hỏi trắc nghiệm khách quan được xây dựng theo 4 mức độ yêu cầu như sau:

- Nhận biết: Các câu hỏi yêu cầu HS nhận ra, nhớ lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.
- Thông hiểu: Các câu hỏi yêu cầu HS giải thích, diễn đạt được thông tin theo ý hiểu của cá nhân; so sánh, áp dụng trực tiếp kiến thức, kĩ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.
- Vận dụng: Các câu hỏi yêu cầu HS sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống gắn với nội dung đã được học ở các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.
- Vận dụng cao: Các câu hỏi yêu cầu HS vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống mới, các vấn đề thực tiễn phù hợp với mức độ cần đạt của chương trình môn học.

Đối với bài kiểm tra thực hành: Đây là một lợi thế của môn Công nghệ. GV thảo luận với tổ chuyên môn xây dựng các bài kiểm tra thực hành để kiểm tra, đánh giá định kì môn học. Trong đó, bài kiểm tra thực hành phải nêu rõ các tiêu chí cụ thể để đánh giá phù hợp với yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Ngoài ra, GV nên khuyến khích HS viết tự nhận xét về ưu điểm, hạn chế, sự tiến bộ của bản thân trong học tập, rèn luyện đối với từng môn học cuối mỗi học kì. Căn cứ vào kết quả đánh giá thường xuyên và định kì, GV tổng hợp đưa ra nhận xét, đánh giá để HS hoàn thiện, chỉnh sửa và gửi thông báo cho cha mẹ HS.

VI. DỰ KIẾN THỜI LƯỢNG MÔN CÔNG NGHỆ 6

Thời lượng dành cho môn Công nghệ lớp 6, cấp trung học cơ sở là 35 tiết/năm học.

- Tổng số: 35 tiết
- Kiểm tra đánh giá: 4 tiết
- Bài học: 31 tiết

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	Thời lượng
Chủ đề 1. Nhà ở	Bài 1. Nhà ở đối với con người	2 tiết
	Bài 2. Xây dựng nhà ở	2 tiết
	Bài 3. Ngôi nhà thông minh	2 tiết
	Bài 4. Sử dụng năng lượng trong gia đình	1 tiết
	Ôn tập chủ đề 1. Nhà ở	1 tiết
Chủ đề 2. Bảo quản và chế biến thực phẩm	Bài 5. Thực phẩm và giá trị dinh dưỡng	2 tiết
	Bài 6. Bảo quản thực phẩm	1 tiết
	Bài 7. Chế biến thực phẩm	3 tiết
	Ôn tập chủ đề 2. Bảo quản và chế biến thực phẩm	1 tiết
Chủ đề 3. Trang phục và thời trang	Bài 8. Các loại vải thường dùng trong may mặc	2 tiết
	Bài 9. Trang phục và thời trang	2 tiết
	Bài 10. Lựa chọn và sử dụng trang phục	2 tiết
	Bài 11. Bảo quản trang phục	1 tiết
	Ôn tập chủ đề 3. Trang phục và thời trang	1 tiết
Chủ đề 4. Đồ dùng điện trong gia đình	Bài 12. Đèn điện	2 tiết
	Bài 13. Nồi cơm điện và bếp hồng ngoại	2 tiết
	Bài 14. Quạt điện và máy giặt	2 tiết
	Bài 15. Máy điều hoà không khí một chiều	1 tiết
	Ôn tập chủ đề 4. Đồ dùng điện trong gia đình	1 tiết



Bài 3. NGÔI NHÀ THÔNG MINH

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, HS cần đạt:

Kiến thức:

- Trình bày được khái niệm về ngôi nhà thông minh, các hệ thống trong ngôi nhà thông minh.
- Mô tả được ba đặc điểm của ngôi nhà thông minh: tính tiện nghi, tính an toàn, tiết kiệm năng lượng.

- Nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh và một số nghề nghiệp liên quan đến công nghệ trong ngôi nhà thông minh.

Năng lực:

- Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dữ liệu qua nội dung SGK để trả lời câu hỏi.
- Hợp tác theo nhóm để nhận diện các đặc điểm của ngôi nhà thông minh.
- Giải quyết các vấn đề có gắn với thực tiễn về đặc điểm ngôi nhà thông minh.
- Nhận thức được nghề kĩ sư công nghệ thông tin.

Phẩm chất:

- Có tinh thần tự học, chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.
- Có tinh thần trách nhiệm và trung thực trong hoạt động nhóm.
- Chăm chỉ trong sáng tạo các sản phẩm công nghệ thân thiện với môi trường.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- SGK Công nghệ 6.
- Phiếu học tập.
- Giấy A0, A4, bút dạ, bút màu, nam châm dính bảng.
- Video về ngôi nhà thông minh.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Mở đầu/Khởi động

Mục tiêu:

- Gợi mở nội dung và tạo hứng thú cho HS với bài học.
- Nhận biết kiến thức thực tiễn của HS với đặc điểm thể hiện tính thông minh của một số thiết bị quen thuộc.

Nội dung: Câu hỏi mở đầu trang 15 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV đưa ra câu hỏi mở đầu/khởi động cho HS.
- HS suy nghĩ câu trả lời.
- GV gọi một số HS, mỗi HS sẽ đưa ra câu trả lời.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.
- GV nhận xét và tổng kết.

Sau hoạt động Mở đầu/Khởi động, GV dẫn dắt HS vào bài học và tìm hiểu nội dung phần I. Khái niệm nhà thông minh.

I. Khái niệm nhà thông minh

Hoạt động 1. Hình thành kiến thức mới

Mục tiêu: Cung cấp cho HS về khái niệm ngôi nhà thông minh, hệ thống cấu tạo nên ngôi nhà thông minh.

Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức trang 15 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc nội dung của phần I. Khái niệm nhà thông minh.
- Sau đó GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi.
- GV yêu cầu một số HS trả lời.
- HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có).
- GV tổng kết và đưa ra đáp án.

Hoạt động 2. Luyện tập

Mục tiêu: củng cố kiến thức khái niệm ngôi nhà thông minh.

Nội dung:

1. Nêu từ hoặc cụm từ còn thiếu mô tả đặc điểm của ngôi nhà thông minh trong các dấu chấm:

Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được lắp đặt các thành hệ thống và được điều khiển, đảm bảo tăng tính tiện nghi, an toàn và tiết kiệm năng lượng khi sử dụng.

2. Có bao nhiêu hệ thống trong ngôi nhà thông minh?

- a. 6 hệ thống b. 7 hệ thống c. 8 hệ thống d. 9 hệ thống

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV đọc câu hỏi và yêu cầu HS trả lời.
- HS đưa ra đáp án.
- GV nhận xét câu trả lời và đưa ra đáp án.

Hoạt động 3. Vận dụng

Mục tiêu:

- Nhận diện được các hệ thống trong ngôi nhà thông minh.
- Giúp HS có hứng thú khám phá ngôi nhà thông minh.

Nội dung: Sưu tầm các video về các hệ thống thiết bị trong ngôi nhà thông minh.

Sản phẩm: Các video về hệ thống thiết bị trong ngôi nhà thông minh mà HS sưu tầm được.

Tổ chức thực hiện:

- GV chia nhóm HS và giao cho các nhóm thực hiện yêu cầu trong hoạt động vận dụng tại nhà.
- Mỗi nhóm HS hoàn thành và nộp kết quả cho GV vào buổi học tiếp theo.

Hoạt động 4. Mở rộng

Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về ngành Kỹ sư công nghệ thông tin.

Nội dung: Mục Em có biết trang 15 SGK.

Sản phẩm: Kiến thức của HS về Kỹ sư công nghệ thông tin.

Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS đọc hoặc tự đọc mục Em có biết trang 15 SGK.
- GV giải thích cho HS những khái niệm các em chưa biết (nếu có).
- GV yêu cầu HS liên hệ thực tế: Những người xung quanh có ai là kỹ sư công nghệ thông tin? Công việc cụ thể của họ là gì?
- HS tìm hiểu về nghề và liên hệ với thực tế.

2. Đặc điểm của ngôi nhà thông minh

Hoạt động 1. Hình thành kiến thức mới

Mục tiêu: Mô tả được ba đặc điểm của ngôi nhà thông minh: tính tiện nghi, tính an toàn cao và tiết kiệm năng lượng.

Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức trang 16 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc nội dung phần II và trả lời các câu hỏi.
- HS đọc nội dung và lần lượt trả lời các câu hỏi.
- HS nhận xét và bổ sung.
- GV đưa ra đáp án.

Hoạt động 2. Luyện tập

Mục tiêu:

- củng cố các đặc điểm của ngôi nhà thông minh.
- Nhận diện được ngôi nhà thông minh.

Nội dung: Phiếu học tập số 1, 2.

- Hãy kể thêm tên các hoạt động tự động của các hệ thống trong ngôi nhà thông minh theo bảng 3.1.
- Hoàn thiện bảng 3.2.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS trên phiếu học tập số 1, 2.

Tổ chức thực hiện:

- GV chia nhóm HS.
- GV giao phiếu học tập cho các nhóm, hướng dẫn, gợi ý.
- Nhóm HS hoàn thành phiếu học tập số 1, 2.
- Một số nhóm HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm.
- Nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV tổng kết và đưa ra đáp án.

Hoạt động 3. Vận dụng

Mục tiêu: Liên hệ đặc điểm ngôi nhà thông minh với ngôi nhà của gia đình. Mô tả hoặc vẽ được ngôi nhà thông minh mơ ước.

Nội dung: Câu hỏi vận dụng trang 18 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời và tranh vẽ của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV giao yêu cầu cho HS.
- HS đưa ra câu trả lời và sản phẩm.
- GV nhận xét và tổng kết.

Hoạt động 4. Mở rộng

Mục tiêu:

- Cung cấp cho HS thông tin về một ngôi nhà thông minh trên thực tế ở Việt Nam.
- Giúp HS biết cách làm quạt sử dụng pin mặt trời.

Nội dung: Mục Em có biết, Tìm hiểu thêm trang 18 SGK.

Sản phẩm:

- Kiến thức của HS về Biệt thự Mặt Trời – một trong những ngôi nhà thông minh đầu tiên tại Việt Nam.
- Kiến thức của HS về cách làm quạt sử dụng năng lượng mặt trời qua video hướng dẫn cách làm quạt sử dụng pin mặt trời đơn giản.

Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS đọc nội dung mục Em có biết và Tìm hiểu thêm.
- GV cho HS xem video về cách làm quạt sử dụng pin mặt trời đơn giản.
- HS tóm tắt kiến thức đọc được và đưa ra quan điểm của cá nhân.
- GV tổng kết.

IV. ĐÁP ÁN

1. Ngôi nhà thông minh có thể được điều khiển bằng bảng điều khiển, điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính bàn.
2. Có 8 hệ thống trong ngôi nhà thông minh: hệ thống đèn chiếu sáng; hệ thống chuyển đổi năng lượng; hệ thống giải trí; hệ thống tưới nước; hệ thống thiết bị nhiệt; hệ thống báo động, báo cháy; hệ thống an ninh; hệ thống màn hình rèm. Trong ngôi nhà thông thường có thể có các hệ thống này, tuy nhiên không đầy đủ các hệ thống như đã liệt kê. Các hệ thống có thể hoạt động riêng lẻ mà không có sự kết nối với nhau. Ví dụ: Trong ngôi nhà thông minh, khi bước vào cửa thì đèn sẽ tự động bật sáng, điều hoà sẽ tự động bật ở mức nhiệt độ phù hợp với môi trường, hệ thống màn hình rèm tự động kéo,...
3. Ngôi nhà thông minh dễ sử dụng đối với cả người già, trẻ em và người ít hiểu biết về công nghệ bởi tính tiện nghi của nó vì ngôi nhà thông minh có tính tự động hoặc được điều khiển chỉ bằng một nút bấm. Các tiện nghi của nó hoàn toàn thích hợp với hai đối tượng này. Ví dụ: đèn tự động bật giúp người già và trẻ em dễ dàng đi lại; khi vắng nhà thì người già hay trẻ em không cần phải khoá cửa, mở cửa;...
4. Các thiết bị được điều khiển từ xa được thể hiện trong hình 3.2 là: a – tủ lạnh; b – bếp từ; c – điều hoà; d, e, k – camera; g – máy tính; h – khoá cửa; i – lò vi sóng; l – chuông báo cửa.
5. Hệ thống an ninh, báo cháy và chữa cháy có thể cảnh báo trong những trường hợp: có khói vượt quá ngưỡng an toàn, rò rỉ khí gas, phát hiện xâm nhập trái phép, báo kính vỡ, phát hiện chuyển động, phát hiện mở cửa.
6. Khi có nguy cơ mất an toàn, hệ thống an ninh, báo cháy và chữa cháy sẽ thông báo cho chủ nhà bằng cách thông báo qua điện thoại, thông báo qua còi, đèn chớp.
7. Ngôi nhà thông minh thu nhận năng lượng mặt trời và năng lượng gió nhờ vào các tấm pin mặt trời và các tua-bin gió cùng với bộ chuyển đổi năng lượng mặt trời thành điện.

8. Đặc điểm của ngôi nhà thông minh trong bảng 3.2.

Mô tả	Đặc điểm của ngôi nhà thông minh
Người đi tới đâu, đèn tự động bật để chiếu sáng	Tính tiện nghi
Tin nhắn được gửi đến điện thoại của chủ nhà khi phát hiện ra sự xâm nhập trái phép	Tính an toàn cao
Có tấm pin mặt trời ở mái nhà	Tính tiết kiệm năng lượng
Điều hoà tự động điều chỉnh nhiệt độ phòng phù hợp với điều kiện tự nhiên xung quanh	Tính tiện nghi
Chạm nút “Đi ngủ” trên màn hình điện thoại thì điện được tắt, rèm được kéo vào, cửa được đóng	Tính tiện nghi
Còi báo cháy kêu khi phát hiện nồng độ khói trong nhà vượt ngưỡng an toàn	Tính an toàn cao

V. ĐÁNH GIÁ

Mục tiêu:

- Đánh giá các mục tiêu đã đạt được của bài học.
- Đánh giá kiến thức, kỹ năng của HS trong và sau bài học.

Cách tiến hành:

- Đánh giá quá trình thông qua câu trả lời, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Phiếu học tập, các câu trả lời được đối chiếu với đáp án của GV.
- Báo cáo của HS được đánh giá thông qua cấu trúc của báo cáo, nội dung.

VI. PHỤ LỤC

Nhóm:.....	Lớp:
PHIẾU HỌC TẬP 1	
Yêu cầu: Hãy đọc câu hỏi phần luyện tập trong trang 16 SGK Công nghệ 6 và hoàn thành các thông tin theo bảng sau:	
Tên hệ thống	Hoạt động tự động
Hệ thống đèn chiếu sáng	
Hệ thống an ninh	
Hệ thống báo động, báo cháy	
Hệ thống màn hình rèm	
Hệ thống thiết bị nhiệt	
Hệ thống giải trí	
Hệ thống tưới nước	

Nhóm:.....Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP 2

Yêu cầu: Hãy đọc câu hỏi phần luyện tập trong trang 18 SGK Công nghệ 6 và hoàn thành các thông tin theo bảng sau:

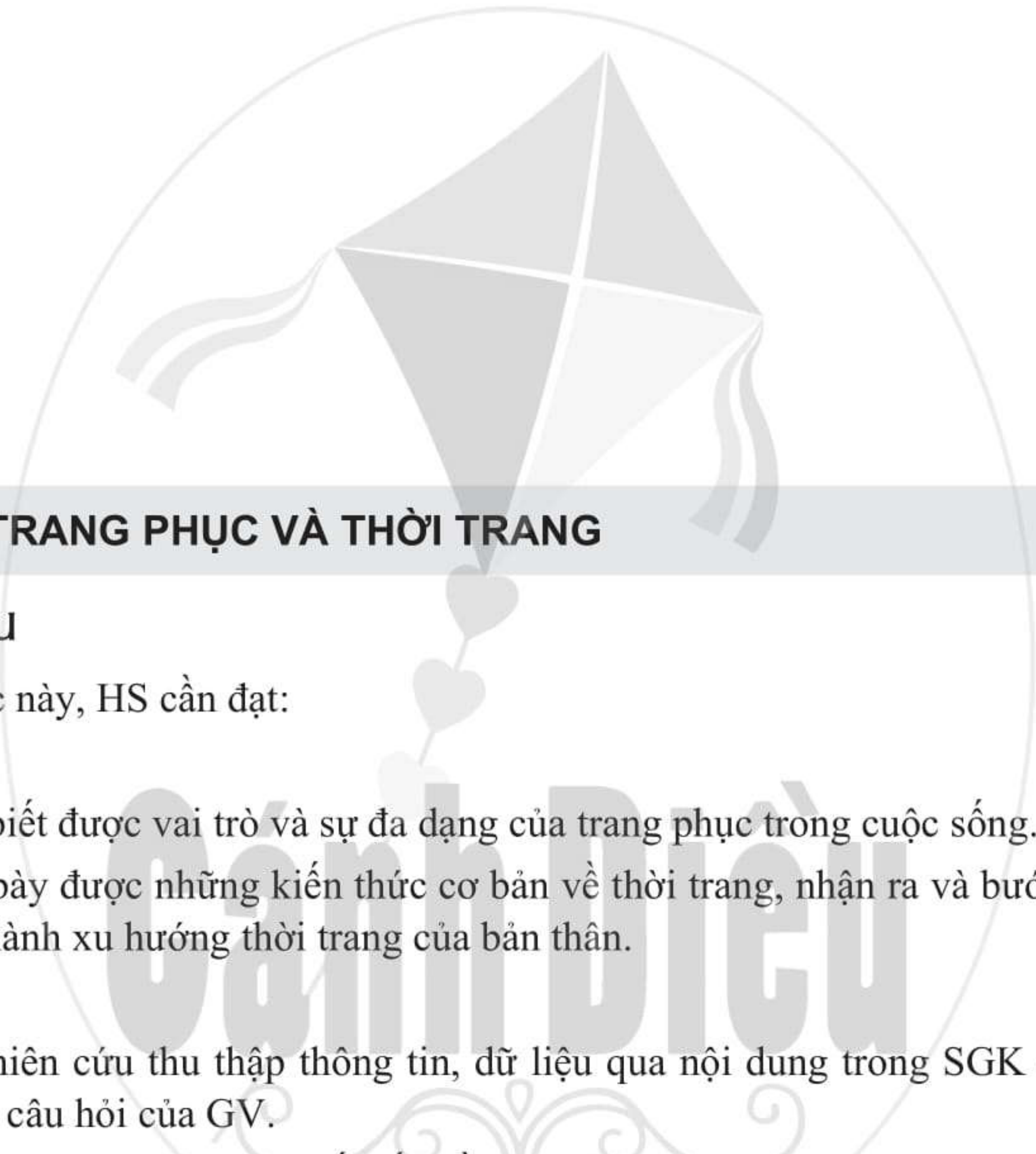
Mô tả	Đặc điểm của ngôi nhà thông minh
Người đi tới đâu, đèn tự động bật để chiếu sáng	
Tin nhắn được gửi đến điện thoại của chủ nhà khi phát hiện ra sự xâm nhập trái phép	
Có tấm pin mặt trời ở mái nhà	
Điều hoà tự động điều chỉnh nhiệt độ phòng phù hợp với điều kiện tự nhiên xung quanh	
Chạm nút “Đi ngủ” trên màn hình điện thoại thì điện được tắt, rèm được kéo vào, cửa được đóng	
Còi báo cháy kêu khi phát hiện nồng độ khói trong nhà vượt ngưỡng an toàn	

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết phần đặc điểm 1. Tính tiện nghi.

Tiết 2: Từ đặc điểm 2. Tính an toàn cao đến hết nội dung bài.

Cánh Diều



Bài 9. TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, HS cần đạt:

Kiến thức:

- Nhận biết được vai trò và sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân.

Năng lực:

- Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dữ liệu qua nội dung trong SGK để trả lời các câu hỏi của GV.
- Hợp tác theo nhóm giải quyết vấn đề trong nội dung trang phục và thời trang.
- Giải quyết các vấn đề gắn với thực tiễn về trang phục và thời trang.
- HS có khả năng lựa chọn phong cách thời trang phù hợp với lứa tuổi, sở thích cá nhân.

Phẩm chất:

- Có tinh thần tự học, tích cực, nhiệt tình tham gia các công việc trong lớp.
- Giúp đỡ, chia sẻ với bạn bè khi hợp tác thảo luận.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, lớp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình in khổ A0 trong bài 2. Trang phục và thời trang SGK, một số hình ảnh về các phong cách thời trang.
- Giấy A0, A4, bút dạ, nam châm dính bảng.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Mở đầu/Khởi động

Mục tiêu:

- HS nhận biết được vai trò của trang phục đối với con người.
- Tạo hứng thú cho HS với chủ đề.

Nội dung: Câu hỏi mở đầu trang 46 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV chia nhóm HS, yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- Nhóm HS đưa ra câu trả lời.
- Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét và đánh giá.

Sau hoạt động này, GV dẫn dắt để chuyển tiếp sang hoạt động hình thành kiến thức.

I. Trang phục

Hoạt động 1. Hình thành kiến thức mới

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về trang phục và thời trang.
- Nhận biết được vai trò và sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống.

Nội dung: Khái niệm trang phục trang 46, câu hỏi hình thành kiến thức trang 47 SGK, câu hỏi: Theo em, trang phục được chia thành mấy loại?

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc khái niệm về trang phục trang 46 SGK.
- GV giải thích khái niệm và dẫn dắt đến nội dung vai trò của trang phục
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Hãy chỉ rõ vai trò bảo vệ con người của trang phục trong hình 9.2.
- HS thực hiện yêu cầu.

- GV đánh giá và nhận xét câu trả lời.
- GV nêu câu hỏi: Theo em, trang phục được chia thành mấy loại?
- HS trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét và đánh giá.

Hoạt động 2. Luyện tập

Mục tiêu: củng cố kiến thức của nội dung I. Trang phục.

Nội dung: Các câu hỏi luyện tập trang 46, 47 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS quan sát hình 9.1 trang 46 SGK và trả lời câu hỏi.
- HS quan sát và trả lời câu hỏi.
- GV đánh giá, nhận xét.
- GV chia nhóm HS, yêu cầu đọc nội dung 2 trang 47 và phân loại trang phục có trong hình 9.2.
- Các nhóm HS thực hiện yêu cầu.
- GV nhận xét và tổng kết lại nội dung phần I. Trang phục. Có thể cung cấp thêm thông tin: Ngoài 2 vai trò chính (bảo vệ, làm đẹp), trang phục còn giúp nhận biết công việc của người mặc.

Hoạt động 3. Vận dụng

Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức về khái niệm, vai trò của trang phục và phân loại trang phục.

Nội dung: Em hãy phân loại và nêu vai trò của các trang phục mà em có.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ phân loại và nêu vai trò của các trang phục mà HS có.
- HS thực hiện yêu cầu.
- GV nhận xét và đánh giá.

2. Thời trang

Hoạt động 1. Hình thành kiến thức mới

Mục tiêu: HS nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân.

Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức trang 48, 49 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc nội dung về thời trang, mốt, phong cách thời trang.
- GV đưa hình ảnh minh họa để làm rõ khái niệm về thời trang, mốt, phong cách thời trang.
- HS trả lời câu hỏi: Em hãy lấy ví dụ về mốt thời trang mà em biết? Em có sử dụng trang phục “chạy” theo mốt thời trang không? Vì sao?
- GV đưa ra nhận xét và dẫn dắt sang nội dung đặc điểm của các phong cách thời trang.
- GV chia nhóm HS thành 4 nhóm, mỗi nhóm quan sát hình ảnh của một phong cách thời trang và thực hiện yêu cầu: Mô tả đặc điểm và lấy ví dụ về phong cách thời trang đó.
- HS thực hiện hoạt động nhóm.
- GV yêu cầu nhóm HS trình bày kết quả.
- GV nhận xét và đánh giá kết quả. GV có thể hỏi thêm các câu hỏi khai thác thêm sự hiểu biết của HS như: Theo em, phong cách thời trang đó phù hợp với những người có tính cách như thế nào?

Hoạt động 2. Luyện tập

Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học về các phong cách thời trang.

Nội dung: Nhận biết phong cách thời trang thông qua các hình ảnh.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS xem một số hình ảnh của 4 phong cách mà GV hoặc HS sưu tầm được.
- GV yêu cầu HS nêu tên phong cách có trong những hình ảnh.
- HS trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét và đánh giá. GV cũng có thể cung cấp thêm cho HS nội dung về tính cách phù hợp với phong cách.

Phong cách dân gian: phù hợp với những người yêu thích vẻ đẹp truyền thống.

Phong cách cổ điển: phù hợp với những người có tính cách cẩn thận, nghiêm túc, chín chu.

Phong cách thể thao: phù hợp với những người yêu thích sự vui vẻ, hoạt bát và các hoạt động thể thao.

Phong cách lãng mạn: phù hợp cho những người yêu thích sự nhẹ nhàng, dịu dàng.

Hoạt động 3. Vận dụng

Mục tiêu:

- Biết được các phong cách thời trang phù hợp với lứa tuổi HS.
- Liệt kê và mô tả các trang phục mà HS có và cho biết các trang phục đó thuộc phong cách thời trang nào.

Nội dung: Câu hỏi vận dụng trang 49 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc hoạt động vận dụng và giải thích các thắc mắc của HS.
- HS về nhà thực hiện, ghi chép đầy đủ kết quả làm bài tập.
- HS cần có sản phẩm của hoạt động để đầu giờ học sau chia sẻ, báo kết quả làm bài tập vận dụng trước lớp và tiến hành đánh giá kết quả hoạt động vận dụng.

Hoạt động 4. Mở rộng

Mục tiêu: Tăng thêm hiểu biết của HS về ý nghĩa của đồng phục, hình thành nhận thức về nghề nghiệp – nhà thiết kế thời trang.

Nội dung: Mục Em có biết trang 49, 50 SGK.

Sản phẩm: Kiến thức của HS về ý nghĩa đồng phục, nghề thiết kế thời trang.

Tổ chức thực hiện: GV giới thiệu cho HS về một số nhà thiết kế thời trang nổi tiếng và một số đồng phục HS trên thế giới.

IV. ĐÁP ÁN

1. Trang phục có vai trò rất quan trọng đối với con người. Thứ nhất, nó bảo vệ con người trước những tác động của thiên nhiên như: nắng, mưa, khói, bụi,... Thứ hai, trang phục giúp con người trở nên đẹp và tự tin hơn trong cuộc sống.
2. Những sản phẩm không phải là trang phục, bao gồm: quạt, xe đạp.
3. Hình 9.2a là trang phục bảo hộ lao động của công nhân môi trường gồm có mũ, quần áo, găng tay, tất, giày bảo hộ. Trên quần áo có thêm dải vải phản quang để khi làm việc trên đường phố với xe đi lại nhiều, nhất là trong đêm và trời tối, các phương tiện đi lại trên đường sẽ nhận thấy sự xuất hiện của những công nhân môi trường bởi dải vải phản quang có thể phát sáng trong bóng tối. Chiếc mũ bảo hộ cũng có thể giúp công nhân che nắng che mưa, giúp họ an toàn hơn trong quá trình làm việc bởi có rất nhiều nguy hiểm như những cành cây hay vật nặng từ trên cao có thể rơi xuống,...

Hình 9.2b là trang phục bảo vệ cơ thể khỏi thời tiết giá rét mùa đông gồm áo khoác ngoài, mũ len, giày.

Hình 9.2c là trang phục của cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, được sản xuất từ vật liệu chống cháy gồm:

- Quần, áo có dải vải phản quang.
 - Mũ: hai bên thân mũ có cấu tạo lõi ra để bảo vệ tai. Phía trước mũ có kính bảo vệ bằng nhựa không màu, giúp cản bụi, gió, hơi nóng khi chữa cháy.
 - Ủng: cao cổ, liền đế để chống thấm nước, bên trong thân ủng có lớp vải chuyên dùng chống trượt.
 - Găng tay: dài, bên trong găng tay có phủ lớp chất chống trượt.
 - Khẩu trang: có thanh nẹp ôm khít mũi và bao phủ toàn bộ phần miệng, mũi, có dây đeo ở hai bên tai.
4. HS có thể đưa ra rất nhiều ví dụ về một thời trang như một tóc ép thẳng, hoạ tiết hoa cúc hoạ mi, giày sneaker, áo hoodie, áo bomber, quần ống rộng,...
 5. Không nên sử dụng trang phục “chạy” theo một thời trang vì không phù hợp với lứa tuổi HS và tốn kém.
 6. Trang phục mang phong cách dân gian là những trang phục mặc hằng ngày nhưng sử dụng các loại vải tự nhiên truyền thống của các dân tộc hoặc sử dụng các hoạ tiết hoa văn như: nghệ thuật tranh sơn mài, tranh Đông Hồ, chim vàng anh, cây thị cho đến hoạ tiết hoa lá trong tranh cổ.
 7. Cả 4 phong cách trong SGK đều phù hợp với lứa tuổi HS. Tuy nhiên, từng phong cách thời trang sẽ phù hợp với từng thời điểm và hoàn cảnh sử dụng trang phục. VD: khi đến trường học có 3 phong cách phù hợp là phong cách cổ điển, phong cách thể thao và phong cách dân gian; khi đi chơi, đi dạo phố, đi dự tiệc,... phù hợp với 2 phong cách lãng mạn và thể thao.
 8. Thông thường, đồng phục HS của các trường có đặc điểm là thanh lịch, kín đáo, khoẻ mạnh, thoải mái, tiện dụng, linh hoạt,... Chúng thường là sự kết hợp của 2 phong cách thời trang cổ điển và thể thao.

V. ĐÁNH GIÁ

Mục tiêu:

- Đánh giá các mục tiêu đã đạt được của bài học.
- Đánh giá kiến thức, kỹ năng của HS trong và sau bài học.

Cách tiến hành:

- Đánh giá quá trình thông qua câu trả lời, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Các câu trả lời được đối chiếu với đáp án của GV.
- Báo cáo của HS được đánh giá thông qua cấu trúc, nội dung của báo cáo.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết phần các khái niệm về thời trang.

Tiết 2: Các phong cách thời trang.



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 301 303 - Fax: (028) 39 381 382

Email: nxb@hcmue.edu.vn

Website: <http://nxb.hcmue.edu.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng biên tập

LÊ THANH HÀ

Biên tập:

LÊ THỊ THUỶ TRANG

Trình bày bìa:

TRẦN TIÊU LÂM

Thiết kế sách và minh họa:

ĐINH XUÂN DŨNG

Sửa bản in:

BÙI THỊ HẠNH

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

*Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà hỗn hợp AZ Lâm Viên, 107 đường Nguyễn Phong Sắc
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.*

CÔNG NGHỆ 6 – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số:

ISBN:

In cuốn, khổ 17 x 24 cm, tại

Địa chỉ:

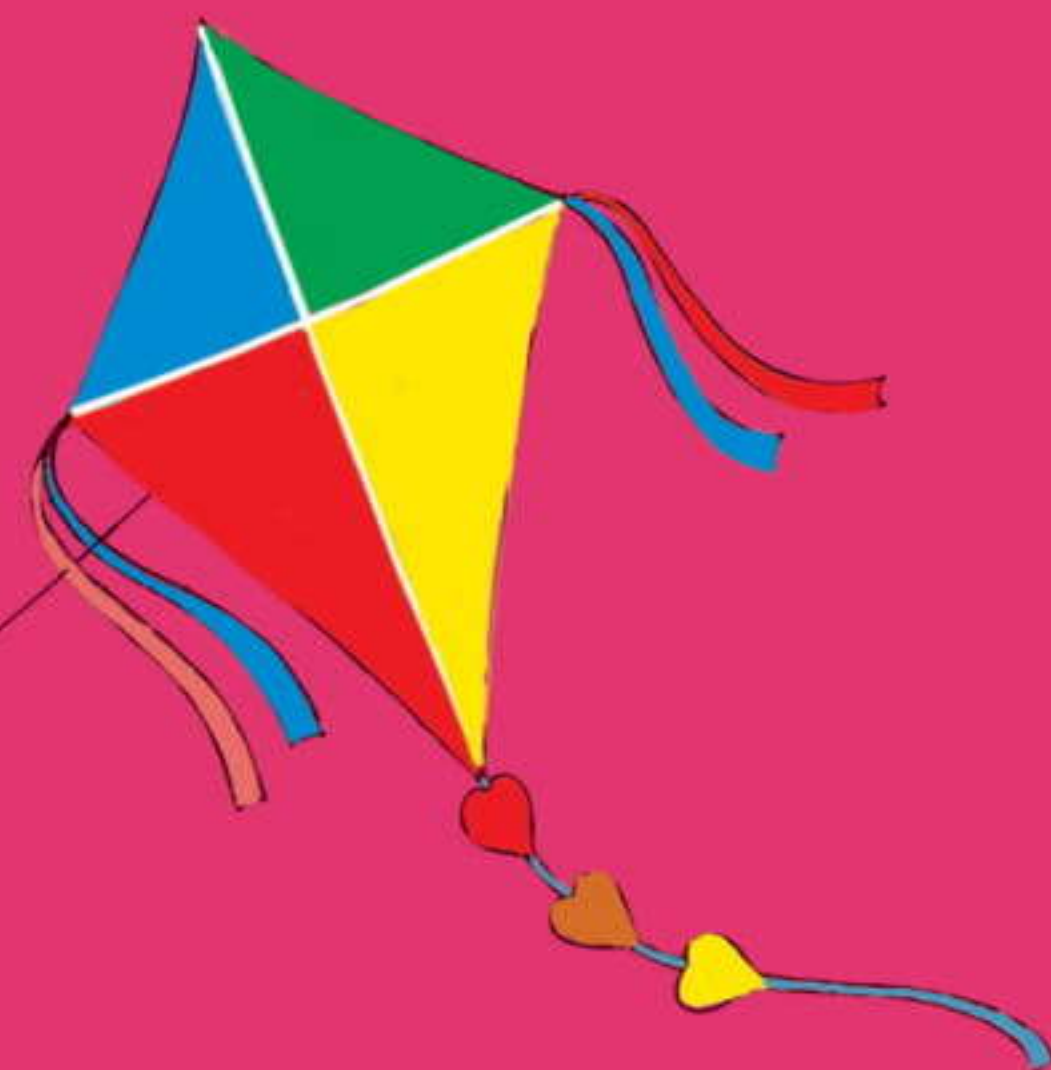
Cơ sở in:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:

Quyết định xuất bản số: /QĐ-..... ngày / /

In xong và nộp lưu chiểu năm

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6 Cánh Diều

1. Ngữ văn 6 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 6 (Tập một, Tập hai)
3. Giáo dục công dân 6
4. Lịch sử và Địa lí 6
5. Khoa học tự nhiên 6
6. Công nghệ 6
7. Tin học 6
8. Giáo dục thể chất 6
9. Âm nhạc 6
10. Mỹ thuật 6
11. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
12. Tiếng Anh 6 Explore English

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 6 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



TEM CHỐNG GIẢ

Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập
trang web: <https://canhdiieu.monkey.edu.vn>

ISBN: 978-604-309-563-0

